TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2020
" *V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chẩn và bà Phạm Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/ 2020/TLST –HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐ-ST ngày 04 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N- sinh năm: 1981;

Trú tại: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn L– sinh năm: 1983;

Hộ khẩu thường trú: Khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn L tự nguyện tìm hiểu rồi sống chung như vợ chồng không có đăng ký kết hôn từ năm 2003. Thời gian đầu chung sống bình thường. Sống chung với nhau đến đầu năm 2019 thì chị N và anh L phát sinh mâu thuẫn do anh L không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, bài bạc, về nhà quậy phá nên cả hai thường xuyên cãi nhau. Chính quyền

địa phương đã can thiệp, nhắc nhở nhưng anh L cũng không thay đổi. Anh L đã về bỏ về quê tại Thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên xây dựng nhà riêng và sinh sống từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian không sống chung, anh L không quan tâm chăm sóc đến chị N và các con. Nay tình cảm giữa chị N và anh L không còn, không thể đoàn tụ về sống chung, chị N với anh L cũng không có đăng ký kết hôn nên chị N yêu cầu Tòa án không công nhận chị N với anh L là vợ chồng.

Về con chung: Chị N với anh L có 02 (hai) con chung là Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 07/8/2004 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 25/7/2011; hiện cháu N1 và cháu M do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N1 và cháu M. Chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Anh Nguyễn L đã được Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký và người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do là vi phạm điều 70, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 15, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; không công nhận Chị Nguyễn Thị N và Anh Nguyễn L là vợ chồng. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn L. Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thị xã S, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và Anh Nguyễn L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn. Từ đầu năm 2019 đến nay thì không còn sống chung. Chị N đề nghị Tòa án không công nhận chị N và anh L là vợ chồng.

Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn. Nhưng chị N và anh L không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong thời gian sống chung chị N thừa nhận giữa chị N và anh L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 07/8/2004 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 25/7/2011, hiện do chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, cháu N1. HĐXX thấy rằng: Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai các cháu N1, cháu M có nguyện vọng xin được ở với mẹ (Nguyễn Thị N). Để đảm bảo cuộc sống ổn định và sự phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần cho cháu N1, cháu M, HĐXX chấp nhận giao cháu N1, cháu M cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, nhưng được khấu trừ vì đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 07/8/2004 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 25/7/2011 cho chị Nguyễn Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000462 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu (2);
- THA DS thị xã S;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.